



TÍN NGƯỠNG TÔN GIÁO CỦA NGƯỜI KINH Ở LÀNG VẠN VỸ, THÀNH PHỐ ĐÔNG HUNG, TỈNH QUẢNG TÂY, TRUNG QUỐC*

ĐẶNG THÀNH ĐẠT

Theo thống kê năm 2010, tổng số người Kinh ở Trung Quốc là 28.199 người, trong đó có 17.872 người sống tại thành phố Đông Hưng, tỉnh Quảng Tây, chiếm 13,88% dân số Đông Hưng. Thành phố Đông Hưng là nơi cư trú chính của người Kinh ở Trung Quốc; làng Vạn Vỹ, làng Vu Đầu và làng Sơn Tâm thuộc trấn Giang Bình, Đông Hưng là những địa giới hành chính mà người Kinh tập trung đông nhất. Tín ngưỡng chủ yếu của người Kinh ở làng Vạn Vỹ là thờ cúng tổ tiên, do còn trộn lẫn với các yếu tố Phật giáo, Đạo giáo nên cũng thờ cúng các vị thần của Phật giáo và Đạo giáo. Tôn giáo tín ngưỡng của người Kinh ở làng Vạn Vỹ chịu ảnh hưởng trực tiếp từ người Kinh của các làng Sơn Tâm, Vu Đầu lân cận và người Kinh ở các vùng như Trà Cổ, Móng Cái, Việt Nam bên kia biển, mà người Kinh ở Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa Nho giáo. Nằm trong phạm vi ảnh hưởng văn hóa Nho giáo nên trên phương diện tôn giáo tín ngưỡng người Kinh ở làng Vạn Vỹ cũng chịu ảnh hưởng văn hóa Nho giáo. Làng Vạn Vỹ và đảo Trà Cổ thuộc Móng Cái, Việt Nam nằm đối nhau qua biển, tính đường chim bay thì chỉ cách nhau hơn 1.000m; sự qua lại và liên hệ mật thiết trên phương diện tôn giáo tín ngưỡng với

người Kinh ở Việt Nam là một trong những đặc điểm của tôn giáo tín ngưỡng của người Kinh ở làng Vạn Vỹ.

1. Các loại hình tôn giáo tín ngưỡng của người Kinh ở làng Vạn Vỹ

Tôn giáo tín ngưỡng là một bộ phận cấu thành quan trọng của văn hóa tộc người, là một trong những biểu hiện của bản sắc tộc người. Tôn giáo tín ngưỡng của người Kinh ở làng Vạn Vỹ gồm có các hình thức thờ cúng tổ tiên, thờ cúng nhiên thần và thờ cúng thần làng.

1.1. Thờ cúng tổ tiên

Người Kinh ở làng Vạn Vỹ gọi “tổ tiên” là “tổ công”. Họ cho rằng vong linh của tổ tiên có thể phù hộ cho con cháu đời sau, nên cần thờ cúng tổ tiên. Người Kinh ở làng Vạn Vỹ thờ tổ tiên tại gia; mỗi gia đình đều có bàn thờ, bàn thờ thường được đặt ở gian chính, có một số gia đình đặt bàn thờ tại tầng hai hoặc tầng ba. Các ngày mùng 1, 15 âm lịch và các ngày lễ, ngày giỗ đều cần thắp hương thờ cúng tổ tiên. Quy cách chung của bài vị tổ tiên ở trên bàn thờ của các gia đình người Kinh là “môn đường thượng lịch đại tiên viễn tông thân vị”. Hiện nay một số gia đình người Kinh đã sử dụng nhang điện, ít khi dùng nhang thắp.

* Bài của tác giả gửi cho Tạp chí Dân tộc học bằng tiếng Trung.

	X	
	Môn	
	Đường	
	Thượng	
	Lịch	
	Đại	
	Tiên	
Phố	Viễn	Thị
Đông	Tông	Ngũ
Cúng	Thân	Tông
Dưỡng	Vị	Chi

Bài vị trên có nghĩa *Bên trái*: Cùng cúng bái; *Ở giữa*: Các vị tổ tiên nhiều đời của họ (X); *Bên phải*: Là chi thứ năm.

Người Kinh ở làng Vạn Vỹ tảo mộ từ ngày 20 đến ngày 30 tháng Chạp âm lịch; họ cho rằng trong những ngày này tổ tiên cần làm vệ sinh, mặc áo mới, nhận tiền mừng năm mới, tảo mộ cần treo vàng mã, đốt pháo nổ. Gia đình khác nhau có ngày tảo mộ cụ thể khác nhau, chẳng hạn như tộc họ Tô vào ngày 22 tháng Chạp âm lịch; tộc họ Nguyễn vào ngày 24; tộc họ La vào ngày 26; tộc họ Lương ngày 27. Người Kinh ở làng Vạn Vỹ có một số gia tộc cùng họ nhưng có nguồn gốc khác nhau, tổ tiên khác nhau, ví dụ như các tộc họ Võ chuyển tới Vạn Vỹ ở nhiều giai đoạn khác nhau, chứ không phải tất cả đều cùng thuộc một gia tộc; có tộc họ Võ phải đến Giang Bình tảo mộ, tổ tiên của họ từ Việt Nam chuyển đến Giang Bình, sau đó lại chuyển tới Vạn Vỹ. Gia tộc nào có từ đường, tổ đường thì hoạt động của gia tộc được tiến hành tại tổ đường. Tộc họ Tô là một gia tộc tương đối lớn ở Vạn Vỹ với 87 hộ, hơn 300 người, tới Vạn Vỹ ở đã qua 7 đời, hiện nay không có từ đường, các hoạt

động của gia tộc được tập trung tiến hành tại nhà trường tộc, và trường tộc về cơ bản là cha truyền con nối. Mỗi năm trước Tết Nguyên đán, tất cả các thành viên gia tộc quyền tiên, vào ngày 22 tháng Chạp âm lịch, tập trung đi tảo mộ, và tình hình quyền góp phải được thông báo công khai. Ngày 22 tháng Chạp họ tập trung tại nhà trường tộc bái tổ tông; ngày mùng 1, mùng 2 đầu năm mới mỗi hộ sẽ cử một người đại diện tới nhà trường tộc bái tổ tông. Tối ngày mùng 1 đầu năm đọc gia phả; ngày mùng 1 tổ tiên thông qua đồng cốt quay trở lại trần gian; ngày mùng 2 đồng cốt lên đồng, nói tổ tiên ở âm gian bảo vệ con cháu có những khó khăn và yêu cầu như thế nào. Buổi tối mùng 1, mùng 2 kính cẩn mời thầy, thắp hương cho tổ tiên; tổ tiên có yêu cầu gì liền nói với con cháu; thời gian tiến hành dài nhất lên đến ba tiếng. Đại diện mỗi gia đình mua một dây pháo nổ, hoặc một cân hoa quả, bánh kẹo, tới nhà trường tộc bái tổ tông, đặt dây pháo; tối ngày mùng 1 mỗi người đại diện tới sẽ đốt một dây pháo họ mang tới. Đồng cốt là người hợp mệnh với tổ tiên, mỗi năm đều do người này tới nhập đồng. Hiện nay số đồng

cốt của họ Tô đã ít đi, chủ yếu do một đồng cốt tới nhập. Đồng cốt không phải cha truyền con nối, người nào hợp với tổ tiên, tổ tiên liền nhập vào anh ta. Tô gia trước đây không có tộc phả; sau những năm 1980, người họ Tô ở Bắc La, Quảng Tây tới đây liên hệ, mới cùng nhau viết tộc phả. Người Kinh ở làng Vạn Vỹ cúng tổ tiên vào các ngày mùng 1, 15, ngày lễ tết và ngày giỗ trong năm. Trong ngày giỗ để cúng tổ tiên họ chuẩn bị một bát com, vài món ăn, mời tổ tiên về ăn, phù hộ cho con cháu được bình an. Ngày 22 tháng Chạp tộc họ Tô đi tảo mộ, chuẩn bị thủ lợn, gà, một nồi com, ba loại thịt gia súc, mang dây pháo và nến. Gia tộc tập trung đi bái tổ tiên lâu đời, tổ tiên các đời gần như ông bà, bố mẹ thì tự mình đi bái; mộ của Tô gia cũng không tập trung ở cùng một nơi. Con cháu sinh bệnh cần cúng tổ tiên, để tổ tiên nhập đồng, nói cho biết con cháu có những hành vi gì sai trái. Bài vị của tổ tiên các đời xa được đặt tại nhà trưởng tộc, trưởng tộc chịu trách nhiệm thờ cúng; những người khác thờ cúng các vị tổ tiên đời gần như ông bà, cha mẹ tại nhà mình. Nghe nói rằng tổ tiên tộc họ Tô ở làng Vạn Vỹ từ Phúc Kiến sang Việt Nam, rồi lại từ Việt Nam chuyển đến làng Vạn Vỹ, tới làng Vạn Vỹ đến nay đã hơn 300 năm. Người Kinh ở làng Vạn Vỹ lúc kết hôn cũng cần cúng tổ tiên. Ngoài ra, đình làng ngoài năm vị đại thần, còn thờ “12 vị gia tiên”, cũng là tổ tiên của 12 gia tộc người Kinh đến làng Vạn Vỹ sớm nhất, coi 12 vị tổ tiên của 12 gia tộc như là những vị thần sáng lập làng để thờ cúng. Họ của “12 vị gia tiên” là: Bùi, Đào, Đoàn, Lý, Nguyễn, Hà, Võ, Hoàng, Khổng, Phan, Ngô, Lưu.

Ở Vạn Đông, Vạn Tây thì cư dân người Kinh là chủ yếu, cũng có người Hán và người

Choang; nhưng người Kinh ở Vạn Đông, Vạn Tây không nói được tiếng Kinh mà thông dụng phương ngữ Quảng Đông. Bộ phận người Kinh ở Vạn Đông, Vạn Tây vào tiết Thanh minh đi tảo mộ. Lộ tuyến di cư của tổ tiên họ đến làng Vạn Vỹ là: Quảng Đông → Phòng Thành → bán đảo Bạch Long Vỹ (trần Giang Sơn, Trung Quốc) → làng Vạn Vỹ, nhiều người cùng những cư dân người Hán, người Choang từ nơi khác đến và người Kinh ở làng Vạn Vỹ kết hôn, từng bước dung nhập vào dân tộc Kinh nơi đây.

1.2. Thờ cúng nhiên thần

Người Kinh ở làng Vạn Vỹ còn thờ cúng các nhiên thần như thần thổ địa, thần biển, thiên quan, táo quân. Miếu thổ địa của làng Vạn Vỹ nằm ở phía Tây đình làng, kê sát đình làng, thờ cúng vị thần thổ địa quản hạt lãnh thổ địa lý của làng. Trên bàn thờ của một số gia đình người Kinh, ngoài bài vị tổ tiên, còn bày bài vị thần thổ địa, như bàn thờ của một số gia đình người Kinh còn có bài vị “Bản cảnh thổ thần”, mời “Bản cảnh thổ thần” về bàn thờ tại gia để cúng bái. Nhân vật lịch sử “Mạc đại tướng quân” trong truyền thuyết của người Kinh bản địa được cho thành thổ thần để thờ cúng. Truyền thuyết về Mạc đại tướng quân nói rằng, Mạc đại tướng quân tên thật là Mạc Văn Thanh, nguyên là tướng lĩnh của triều đại phong kiến Việt Nam. Vào năm Hồng Thuận thứ ba của triều Lý (năm 1511), Mạc đại tướng quân bại trận liền mang thuộc hạ và vàng bạc trang sức đến làng Vạn Vỹ, đóng quân lại tại đây. Cùng đến với ông còn có các tướng sĩ như “Tướng tâm phúc Hoàng Mã” và “Tướng tâm phúc Bạch Mã”, nghe nói hiện nay ở làng Vạn Vỹ vẫn còn nơi đóng quân cũ của binh lính. Hiện nay, những gia đình người Kinh họ Nguyễn và

họ La ở lân cận miếu Mạc đại tướng quân và miếu thờ Các quan tướng của Mạc đại tướng quân vẫn thờ cúng Mạc đại tướng quân.

Ở cạnh con đê của làng Vạn Vũ có miếu nhỏ thờ “Tam vương quản lý thủy khẩu”. Có những gia đình người Kinh trước cửa nhà xây một miếu thổ địa nhỏ, thờ “thiên quan” và “thần thổ địa” quản lý khu vực phạm vi nhà đấy, phân biệt viết thành bài vị “Thiên quan tứ phúc” và “Bản gia thổ địa” (thổ công). Có những gia đình người Kinh đặt bài vị của thổ công trên cây trước cổng. Người Kinh đặt bài vị cúng “Táo quân” cạnh bếp lò, vào ngày 23 tháng Chạp âm lịch cần tiễn Táo quân lên trời báo cáo tình hình mỗi hộ gia đình dưới nhân gian.

1.3. Thờ thần làng

Năm 1985 đình làng Vạn Vũ được xây dựng lại, trong đó thờ cúng năm vị thần và 12 vị tổ tiên của các gia đình người Kinh đến làng Vạn Vũ sớm nhất; cổng đình có một đôi câu đối “Thần ân kính ngưỡng vạn đại truyền, Thánh đức lưu tồn truyền cổ tại” (tạm dịch: Ân của thần được kính ngưỡng qua hàng vạn đời, Đức của thánh được lưu truyền từ xưa tới nay). Đình làng thờ cúng năm vị thần là: Trấn Hải Đại Vương, Quảng Đạt Đại Vương, Cao Sơn Đại Vương, Anh Linh Đại Vương, Hung Đạo Đại Vương, trong đó Trấn Hải Đại Vương được đặt ở vị trí đầu tiên. Trên bàn thờ của đình làng bày bài vị của năm vị thần này; các bài vị được làm đẹp đẽ, trước mỗi bài vị đều đặt một bát hương.

Trấn Hải Đại Vương xuất hiện lần đầu tại bán đảo Bạch Long Vỹ, trấn Giang Sơn; do vậy, được gọi đầy đủ là “Bạch Long Vỹ Trấn Hải Đại Vương”, và thờ Trấn Hải Đại

Wang cũng chính là thờ thần biển. Theo truyền thuyết của người Kinh, Trấn Hải Đại Vương vì dân trừ hại, trừ bỏ đi con rết tinh, khiến cho người Kinh ở khu vực lân cận có thể an tâm lao động sản xuất. Để tưởng nhớ ông, người Kinh ở Bạch Long Vỹ - nơi ông trừ yêu trấn ma đã xây miếu Trấn Hải Đại Vương. Mỗi năm vào ngày 12 hoặc 22 tháng Hai, thôn dân người Kinh ở làng Vạn Vũ liền đi thuyền qua biển về phía Đông của làng để đến miếu Trấn Hải Đại Vương ở Bạch Long Vỹ thắp hương cúng thần, cầu xin được ổn định, bình an, hạnh phúc, lao động sản xuất được bội thu. Lúc làng Vạn Vũ xây dựng đình thờ, trong đình đặt bài vị của Trấn Hải Đại Vương để tiện thờ cúng. Mỗi năm, khi dịp Tết Hát bắt đầu, thôn dân người Kinh đều xếp hàng che lọng khiêng kiệu, đến bờ biển, đón Trấn Hải Đại Vương ở Bạch Long Vỹ về đình làng thờ cúng. Người Kinh ở làng Vạn Vũ lưu truyền câu chuyện truyền thuyết về Bạch Long Vỹ Trấn Hải Đại Vương và con rết tinh; làng Sơn Tâm và Vu Đầu cũng có câu chuyện này, chỉ có một vài chi tiết nhỏ là không giống. Theo truyền thuyết, rất lâu trước đây tại Bạch Long Vỹ, trấn Giang Sơn hiện nay có một cái sơn động rất to, rất rộng, gọi là động rết, trong động có một con rết to, ước tính dài tới hơn ba trượng (khoảng 10m). Tất cả tàu thuyền đi qua Bạch Long Vỹ đều phải cống nạp một đầu người cho con rết; nếu không, cả thuyền sẽ bị nhấn chìm. Do từ các vùng như Đông Hưng hay Đồ Sơn, Hải Phòng của Việt Nam đi thuyền đến Bắc Hải của Trung Quốc đều phải đi qua Bạch Long Vỹ; do vậy, trong một thời gian dài cư dân vùng lân cận phải chịu hại nặng nề. Một hôm, có một ông già ăn xin thần tiên tóc bạc

râu dài cần đi thuyền từ Đông Hưng ra biển Đông, yêu cầu chủ thuyền cho ông lên thuyền; chủ thuyền rất vui mừng, cho rằng có thể cúng ông già ăn xin cho con rết. Lúc chủ thuyền cho ông già ăn xin lên thuyền, ông mang theo một quả bí ngô lớn đặt trong áo gai. Khi thuyền sắp tới Bạch Long Vỹ, ông lão ăn xin nhờ đầu bếp nấu quả bí ngô; đầu bếp liền đặt quả bí lên trên bếp lò nướng hồng lên. Lúc thuyền đi qua Bạch Long Vỹ, con rết to xuất hiện, ông lão ăn xin liền nhét quả bí vào trong cái miệng đang há to của nó. Kết quả là con rết bị nóng chết; người nó phân thành ba phần, phần đầu rơi xuống Đầu Sơn (Đồ Sơn), phần giữa tại Trà Cổ, phần đuôi rơi xuống Vạn Vỹ, từ đó hình thành ba vùng này. Ông lão ăn xin đột nhiên biến mất; sau này những người Kinh mới biết rằng ông lão ăn xin này là Trấn Hải Đại Vương biến hình thành. Do đó, người Kinh ở ba khu vực Đồ Sơn, Trà Cổ và Vạn Vỹ đều thờ Trấn Hải Đại Vương. Trấn Hải Đại Vương chết vào ngày mùng 10 tháng Sáu âm lịch. Để tưởng nhớ ông, mỗi năm vào ngày mùng 10 tháng Sáu âm lịch, người Kinh đều cúng Trấn Hải Đại Vương, đồng thời hát để biểu thị lòng thành. Đây là nguyên nhân người Kinh thờ Trấn Hải Đại Vương, cũng là nguồn gốc của Tết Hát. Một số người Kinh cho rằng Tết Hát có các tác dụng như dâng lễ cho thánh thần, mừng được mùa, cầu bình an, truyền thụ và kế thừa văn hóa...

Cao Sơn Đại Vương tên gọi đầy đủ là “Cao Sơn Na Thái Thượng Đẳng Thần Đại Vương”, chủ yếu quản lý núi rừng làng Vạn Vỹ. Ở Đới 13 của làng Vạn Vỹ còn có một tòa miếu Cao Sơn Đại Vương được thờ cúng riêng biệt. Đến Tết Hát, người ta phải đánh

chiêng gõ trống tới miếu Cao Sơn Đại Vương mời Cao Sơn Đại Vương về đình làng để cúng bái.

Quảng Đạt Đại Vương, Anh Linh Đại Vương và Hưng Đạo Đại Vương là các thần bảo hộ thôn làng của người Kinh, lúc người Kinh chuyển di tới làng Vạn Vỹ đã đưa tới để thờ cúng. Quảng Đạt Đại Vương tên đầy đủ là “Thái Tổ Linh Ứng Quảng Đạt Đại Vương”, Anh Linh Đại Vương là “Điểm Tước Thần Võ Anh Linh Đại Vương”, Hưng Đạo Đại Vương là “Trần triều Hưng Đạo Thượng Đẳng Thần Đại Vương”. Hưng Đạo Đại Vương là Đại tướng Trần Quốc Tuấn của Việt Nam thuộc đời Trần thế kỷ XIII; do ông nhiều lần dẫn quân đánh lui quân xâm lược nước ngoài, chiến công hiển hách nên được phong làm Hưng Đạo Đại Vương; người Kinh tôn ông thành thần bảo hộ thôn làng để thờ cúng.

Ở phía Đông đình làng, có một tòa miếu Lục nương, thờ 6 người phụ nữ từng phục vụ các vị thần thờ trong đình làng. Ở làng Vạn Vỹ, người Kinh còn thờ 6 vị Linh quan, cúng bái 4 Bà (Hải Long, Hải Ân, Duy Quang, Vi Châu), xin họ bảo vệ và phù hộ cho mỗi năm được bội thu hải sản. Người Kinh ở làng Vạn Vỹ còn thờ cúng Đông Thủy Khẩu Đại Vương quản lý hải vực phía Đông làng Vạn Vỹ và Tây Thủy Vực Đại Vương quản lý hải vực phía Tây làng Vạn Vỹ. Vạn Đông có miếu Khang Vương, nghe kể rằng thờ cúng vị Đại Vương tư quản Vạn Đông trong thời Khang Hy. Các gia đình sinh sống bằng nghề chài lưới còn thờ cúng Hải công, Hải bà ở mũi thuyền để xin được bình an, ra biển đánh cá có thu hoạch lớn. Một số gia đình người Kinh ở làng Vạn Vỹ

còn thờ Quan Âm, “Phật” và tổ tiên gia tộc Đỗ Thị - anh hùng chống Pháp Đỗ Quang Huy. Theo truyền thuyết kể lại thì ông Đỗ Quang Huy là người Kinh ở làng Vạn Vỹ sinh năm 1840, từng làm thầy giáo; từ năm 1873 đến năm 1884 ông tổ chức nghĩa quân tham gia quân Cờ Đen chống Pháp, chiến đấu ở khu vực biên giới Việt - Trung, qua đời năm 1928, hưởng thọ 88 tuổi.

2. Chức sắc tôn giáo tín ngưỡng ở làng Vạn Vỹ

Chức sắc tôn giáo tín ngưỡng ở làng Vạn Vỹ đều là nam giới, không có chức sắc nữ. Các chức sắc tôn giáo gồm có ông từ, thầy cúng và đồng cốt; những người này đều làm việc bán thời gian, còn lại họ vẫn tham gia lao động sản xuất hàng ngày. Hiện nay cả làng Vạn Vỹ chỉ có thôn Vạn Vỹ có 4 thầy pháp với hơn 10 người trợ giúp. Các thầy cúng người Kinh thường chỉ làm lễ cúng cho người Kinh, nghe nói là do các dân tộc khác không nghe hiểu kinh văn tiếng Kinh. Vạn Đông và Vạn Tây không có thầy cúng; người Kinh ở Vạn Đông và Vạn Tây, khi làm tang sự, phải mời thầy cúng ở các khu Giang Long, Giang Bình gần đó đến làm, cũng có khi mời thầy cúng ở Vạn Vỹ, do sách kinh của Vạn Vỹ viết bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm, khi làm lễ dùng tiếng Kinh, mà người Kinh ở Vạn Đông, Vạn Tây đa số không biết tiếng Kinh, thường dùng phương ngữ Quảng Đông. Tín ngưỡng của người Kinh ở làng Vạn Vỹ bao gồm cả thành phần đạo Saman, thầy đồng cốt cũng như thầy phù thủy.

2.1. Ông từ

Ông từ của đình làng được chọn ra thông qua việc xem quẻ bói. Những người

dự tuyển được chọn ra từ đội sản xuất của làng Vạn Vỹ. Các ứng cử viên làm ông từ thường khoảng 50 - 60 tuổi; mỗi đội sản xuất chọn 2 - 3 người, dựa trên thứ tự đội để xếp hàng, nếu ba lần bói quẻ liên tiếp đều là quẻ âm dương thì người đó sẽ được chọn làm ông từ. Trong quá trình chọn ông từ, thầy cúng thông qua việc bói quẻ nghiệm chứng xem đã thật sự mời được thần linh chưa. Ông từ chủ yếu phụ trách việc cúng bái trong đình làng. Ngày mùng 1 và 15 âm lịch hàng tháng thắp hương, Tết Hát đón thần việc thắp hương đều do ông từ thực hiện; buổi sáng mỗi ngày, ông tới đình quét dọn vệ sinh. Trong nhà ông từ nếu không có việc tang thì có thể một mạch đảm nhận công việc này; nếu bố mẹ, chú bác mất, nhà có việc tang thì không được làm ông từ nữa, trong làng sẽ phải chọn ra ông từ mới. Có người làm ông từ lâu nhất là hơn 10 năm.

2.2. Thầy cúng

Công việc chủ yếu của thầy cúng là các việc như xem ngày tháng, xem phong thủy, tiễn quý thần, giải hạn khi kết hôn, xây dựng nhà cửa, làm lễ cúng cho người chết, làm lễ cầu thọ, lễ an long tạ thổ. Mỗi năm thầy cúng đều cầu tổ tiên phù hộ cho được thượng lộ bình an, cầu phúc, cuối năm tạ tổ tiên. Tháng Chạp âm lịch trước năm mới, thầy cúng phải giúp mỗi hộ gia đình đổi khám thờ; khám thờ trong nhà mỗi gia đình người Kinh là do thầy cúng viết. Hiện nay thầy cúng làng Vạn Vỹ chủ yếu làm lễ cúng cho người chết; những gia đình có điều kiện, quy mô làm lễ lớn một chút, thời gian cũng dài hơn. Có nhà làm lễ ngay khi vừa mất; có nhà làm lễ sau khi mất một trăm ngày; có nhà làm lễ sau một năm; lễ cúng có khi làm ở nhà có tang; có khi lại làm ở nhà thầy

cúng. Có khi làm lễ một ngày một đêm, có khi lại làm dài hơn. Thường thì lễ cúng do 7 - 8 thầy cúng cùng thực hiện, có người làm trợ thủ, giúp đánh chiêng gõ trống. Có người mắc bệnh, thầy cúng cho rằng do tổ tiên không có gì ăn, liền chọc ghẹo con cháu dưới trần gian, cúng một hồi sau bệnh nhân sẽ khỏe lên. Thầy cúng có trang phục chuyên dùng khi làm lễ cúng người chết, lúc làm lễ mặc quần áo có hình con thú đời Đường. Các khí cụ dùng khi làm lễ gồm có các loại như ảnh chân dung, quần áo, cá gỗ, mõ, trống, chiêng, các loại con dấu... Nội dung hai câu đối trên bức chân dung Quan Âm: “Phổ Đà Sơn, Hương vào trước án bày pháp sự, Hoa khai trên bực giảng chân kinh” (Tạm dịch: Núi Phổ Đà, Nơi án đang làm lễ có hương thơm bay vào, Nơi bực đang giảng kinh có hoa nở). Trên lá cờ trong nhà thầy cúng có ghi tên thần linh, cờ bình mã phải thay vào dịp độ giới (giống lễ thành nhân) và mừng 3 tháng Giêng hàng năm. Hiện nay người Kinh ở làng Vạn Vỹ khi gặp phải một số chuyện, vẫn đến hỏi thầy cúng. Việc nhỏ thì tìm thầy cúng trong vùng; việc lớn liền tìm thầy cúng ở Sơn Tâm hoặc Việt Nam; các thầy cúng ở vùng khác không am hiểu tình hình trong vùng nên dễ dàng phán đoán ra thầy nói đúng hay sai. Chẳng hạn, một hôm khi tôi đang phỏng vấn một vị thầy cúng ở làng Vạn Vỹ, một người phụ nữ đến hỏi hôm vừa rồi nhà bà ta chết mất mấy con gà, liệu có xảy ra chuyện gì không, vị thầy cúng liền trả lời chỉ là do dịch bệnh gà mà thôi, không có chuyện gì cả.

Hàng năm các thầy cúng ở làng Vạn Vỹ còn làm lễ an long tạ thổ. Lễ an long tạ thổ này nhằm cầu bình an, thường tiến hành vào cuối tháng Chạp âm lịch. Mỗi làng là

một đơn vị tổ chức, ví dụ ngày 15 tháng Chạp âm lịch làng Vu Đầu mời 6 thầy cúng (3 người ở Vu Đầu, 3 người ở Vạn Vỹ) làm lễ an long tạ thổ, hoàn phúc, hết một ngày một đêm. Cũng có gia đình làm lễ an long tạ thổ độc lập, ví dụ như vị thầy cúng mà tác giả phỏng vấn vào ngày 23 tháng Chạp âm lịch đến thôn Vạn Tây làm lễ cho một gia đình người Kinh; tại gia đình làm lễ tạ đất, tạ tổ tiên thì chỉ cần chuẩn bị vịt hoặc ngỗng để ăn tối, mời hai vị thầy cúng, làm lễ khoảng 2 - 3 tiếng là được. An long tạ thổ phải dâng tấu, tấu văn tấu ba Phủ Thiên, Địa, Thủy, báo cáo Thiên vương, Địa vương, Thủy vương, dùng bùn tạo thành 5 con rồng, đại biểu Đông - Tây - Nam - Bắc - Trung, chôn xuống đất, trước khi chôn rồng mới thì cần lấy rồng cũ lên. Nếu như có bão, cây đổ thì cần làm lễ an long tạ thổ, lúc xây phòng ở cũng cần an long tạ thổ.

Việc làm thầy cúng thường là truyền từ đời này sang đời khác trong một gia tộc. Người học nghề được chọn ra từ những người thân, cũng có người bái thầy để học. Cùng một gia tộc, thầy cúng thường truyền cho những người 40, 50 tuổi; nếu người trẻ tuổi không muốn tiếp tục kế thừa thì sẽ bị thất truyền. Người Kinh ở làng Vạn Vỹ cho rằng nếu như một gia tộc có tổ tiên làm thầy cúng mà con cháu không tiếp tục làm thầy cúng thì tổ tiên ở âm giới sẽ không được yên ổn. Thầy cúng ở làng Vạn Vỹ chia làm ba cấp: nhất gia sư (tiểu thừa, cửu phẩm đến thất phẩm), nhị gia sư (trung thừa, lục phẩm đến tứ phẩm), tam gia sư (đại thừa, tam phẩm đến nhất phẩm). Thầy cúng sau khi chết mới lên thượng thừa (trong “Thần tiêu” có ghi các quy định cụ thể). Mỗi khi tăng lên một cấp bậc phải làm lễ độ giới (cũng gọi là

độ thân), do các thầy cúng cấp bậc cao ban chứng nhận độ giới cho các thầy cúng cấp bậc thấp. Người ta nói rằng các thầy cúng cấp bậc khác nhau thì số lượng binh mã có thể mang được cũng khác nhau; những người mà gia đình có truyền thống làm thầy cúng sẽ dễ dàng thăng cấp. Nội dung của chứng nhận độ giới gồm có: lý lịch cơ bản của người được độ giới (nguồn gốc, thời điểm sinh...), chức vị của người được độ giới, con dấu và pháp khí được ban cho. Trong chứng nhận độ giới của các thầy cúng ở làng Vạn Vỹ vẫn còn dùng cách gọi cũ của làng Vạn Vỹ là “làng Phúc An”, xuất hiện các từ ngữ như “Ngọc thanh đại động chính giác pháp sư...”. Độ giới là phong chức cho người được độ giới, làm thầy cúng cần phải đảm nhiệm trách nhiệm, mang theo binh mã. Độ giới thường làm trong một ngày, buổi tối từ 7 giờ đến 11 giờ, cần đọc 7, 8 phần sớ tấu, cần xem bát tự của người độ giới và của vợ/chồng xem có hợp không, có thể đem bao nhiêu binh mã, nếu không được thì sẽ đem theo ít hơn. Người giám sát độ giới có người là đại pháp sư đến từ Việt Nam; thầy cúng ở cấp độ nào thì mặc quần áo theo như thế. Người độ giới khi hoàn thành độ giới, trở thành thầy cúng rồi cần tuân thủ một loạt các giới luật. Các giới luật này là quy phạm hành vi của thầy cúng, khiến cho thầy cúng trở thành một bộ phận chủ chốt của xã hội truyền thống người Kinh. Thầy cúng trước khi độ giới có mười giới, trong kinh sách có quy định cụ thể, ví dụ như không được ăn thịt chó, thịt thỏ, thịt rắn, không được đi dưới chỗ phơi quần áo của phụ nữ, trong gia đình khi có độ giới, phải đến đình làng báo cáo. “Thần tiêu” nói rõ các điều kiện cần có để làm độ giới cho thầy cúng. Độ giới cần

mời thầy cúng của làng đến thực hiện, làm ở trong nhà của người được độ giới, mời 6, 7 vị thầy cúng đến; nếu không đủ thì mời thầy cúng của làng Sơn Tâm; cấp bậc không đủ cao thì sẽ mời thầy cúng Việt Nam. Thầy cúng của người Kinh ở làng Vạn Vỹ được truyền từ đời này sang đời khác; tam bảo Phật giáo là: Phật, Pháp, Tăng, tam bảo của Đạo giáo là Đạo, Kinh, Đàn. Mặt trên bàn thờ của mỗi vị thầy cúng ở làng Vạn Vỹ treo lá cờ viết “Hỗn nguyên giáo chân tịnh”, phần trên của bàn thờ được gọi là “chân”, phần dưới được gọi là “tịnh”.

Hiện nay kinh sách thầy cúng ở làng Vạn Vỹ dùng làm lễ phần lớn là sao chép lại từ các vùng Sơn Tâm, Vu Đầu bên cạnh, hay là từ Trà Cô, Móng Cái, Việt Nam, hoặc là do những người có trí nhớ tốt viết lại, hoặc do trước những năm 1980 cất giấu được, chứ không sử dụng kinh sách của người Hán hoặc người Choang. Một số thầy cúng ở làng Vạn Vỹ đến từ Sơn Tâm, Vu Đầu hay Phủ Vạn Ninh ở Việt Nam. Thầy cúng Nguyễn Kế Nho làng Sơn Tâm có các loại kinh văn như “Thần tiêu”, thầy cúng làng Vạn Vỹ liền đến ghi chép, sao chụp lại. Đầu những năm 1980, số thầy cúng ở làng Vạn Vỹ ít, cũng từng mời một số thầy cúng ở Việt Nam sang làm lễ, chỗ nào thầy cúng người Kinh không hiểu liền hỏi các thầy cúng Việt Nam. Cuộc điều tra của tôi ở làng Vạn Vỹ cho thấy các kinh sách của thầy cúng ở đây chủ yếu gồm: “Tam giáo chính độ thực lục toàn tập”, “Thần tiêu”, “Độ vong”, “Các vong linh đối liễn”, “Tiếp vong khoa”, “Lục căn lục kết” (những người chết chưa đầy 60 tuổi cần giải tội), “Tiễn trẻ nhỏ vào hoa viên” (dùng khi làm lễ cho trẻ em

chết chưa đầy 12 tuổi), “Thập điện khoa”, “Nhị thánh khoa”, “An binh điệp”, “Triệu linh mộc dục khoa” (cho người chết tịnh thân nhập liệm), “Giải thiên quan Thiên lôi khoa” (làm lễ cho người bị sét đánh chết, tại nơi sét đánh giải sét), “Chiêu hồn thán văn”, “Cúng tiền chuộc hồn khoa” (dùng cúng khi có người bệnh ốm đau), “Khai phóng khoa”, “Thỉnh Phật khoa”, “Sám hồi vong kinh”, “Tiếp linh khoa” (Triệu vong hồn về), “Cấp thủy khoa” (Tới giếng lấy nước, đun trà tế phật), “Tịnh trừ khoa”, “Phát tấu khoa” (bẩm báo thần linh), “Thỉnh kinh khoa” (thỉnh Phật, bẩm báo Phật tổ), “Chú thực khoa” (làm đại lễ bố thí cho ma đói), “Phóng đăng khoa” (phóng đèn giấy ra biển), “Phóng sinh khoa” (mua cá sống hoặc chim về phóng sinh), “Thỉnh Mục Liên khoa” (người chết là nữ mới làm khoa này), “Thỉnh dã sám khoa”, “Thụ phiên khoa” (một loại cờ phướn treo thẳng đứng; khi làm đại lễ dùng cọc tre dựng lên phướn lớn gọi hồn trở về), “Sám tạ long thần khoa”... Trong đó, “Tam giáo chính độ thực lục toàn tập” (người Kinh gọi Phật giáo, Đạo giáo và Nho giáo chung lại là “Tam giáo”) là sách dùng để siêu độ vong linh, nội dung liên quan tới cả một quá trình làm lễ độ vong linh và kinh văn cần dùng trong tang lễ, trong kinh văn xuất hiện các vị thần cần mời như “Phật tổ Thích Ca”, “Thái Thượng Lão Quân”, có câu chú “Nam mô a di đà Phật”; ngoài ra, trong quá trình độ vong còn dùng đạo bùa, phép thuật trừ tà các loại. Nội dung của “Thần tiêu” gồm có 6 khoa như “Tấu lộc khoa”, “Truyền độ khoa”, “Thỉnh an tướng khoa”; lời mở đầu sách xuất hiện cụm từ “Đại Nam quốc”. Điều này cho thấy

quyển sách này có nguồn gốc từ Việt Nam; các từ “Đạo Phật tử”, “Đạo giáo” cho thấy trong đó có thành phần Đạo giáo hoặc thuộc Đạo giáo. Trong “Phóng sinh khoa” xuất hiện các câu như “Nam mô a di đà Phật”, “Quan thế âm Bồ tát”, “Ma-ha-tát”, “Nguyện cho công đức này rộng khắp, nguyện cộng chúng sinh thành Phật đạo” cho thấy trong quá trình làm lễ yếu tố Phật giáo tương đối nhiều. Kinh văn làm lễ đề cập tới những khó khăn của cha mẹ khi dưỡng dục con cái; điều này khiến cho những người tham gia nghi lễ được giáo dục, hiểu được phải tôn kính cha mẹ, hiếu thuận với người trên. Theo thầy cúng ở làng Vạn Vỹ, “Tam giáo thành độ thực lục toàn tập” và “Thần tiêu” đều là sao chép từ Việt Nam mang về, một số kinh văn thêm vào phiên âm của tiếng Việt hiện đại, tiếng Hán dựa trên âm đọc của tiếng Kinh mà niệm. Nhìn từ thư mục và mục đích sử dụng sách nói trên, kinh sách mà các thầy cúng ở làng Vạn Vỹ sử dụng hiện nay chủ yếu là dùng để làm lễ. Người Kinh làm đám tang thường là một ngày một đêm, gần tới dịp Tết Hát từ ngày mùng 2 đến 15 tháng Sáu âm lịch không được làm tang lễ lớn; làm đại lễ có 8, 9 thầy cúng; lễ nhỏ thì 3, 4 người là được. Thầy cúng người Kinh làm lễ thường ngồi niệm kinh, không cần thiết phải đi lại hoặc múa để niệm kinh. Con ấn thầy cúng ở làng Vạn Vỹ dùng khi làm phép đều tìm người dùng gỗ chạm khắc, có các loại ấn Ngọc hoàng Thượng đế, ấn bản mệnh (thầy cúng mệnh gì thì sẽ dùng ấn loại ấy), ấn hợp hoa (mệnh khác nhau thì ấn khác nhau), “Phật” ấn; lệnh bài dùng khi làm phép dùng để trấn áp yêu ma quỷ quái. Chứng nhận thăng cấp

của các vị thầy cúng ở làng Vạn Vũ chỉ rõ số lượng binh mã thầy cúng cấp bậc đó có thể chỉ huy, xuất hiện các từ ngữ “ba đạo lớn hiển rõ”, “một thanh gươm trừ ác”. Điều này ở trong một giai đoạn nhất định cho thấy, thầy cúng ở làng Vạn Vũ thuộc phái Chính Nhất của Đạo giáo, mà các thầy cúng ở làng Vạn Vũ không phá vỡ nếp lao động sản xuất bình thường; điều này cũng phù hợp với đặc trưng của phái Chính Nhất. Một số khí cụ thầy cúng ở làng Vạn Vũ sử dụng khi làm phép mang ấn ký của Phật giáo, như là “Phật” ấn, ấn Ngọc hoàng Thượng đế.

Ngày mùng 1, 15 âm lịch hàng tháng thầy cúng phải bái tổ tông, dùng rượu gừng và thịt lợn thái chỉ làm canh thịt lợn, luyện tập binh tướng. Dù có được tiền hay không, nếu dân trong làng đến tìm, thầy cúng đều phải đi với người làng để làm lễ; một số thầy cúng ở làng Vạn Vũ còn đến các vùng lân cận như Long Môn, Khâm Châu, Na Thoá để làm lễ.

Bàn thờ trong gia đình các thầy cúng tương đối phức tạp. Ví dụ như câu đối trên bàn thờ trong nhà một thầy cúng là:

	Hộ	Thánh	Độ	Phật	
Thánh					Phật
Tướng					Pháp
Đức					Đạo
Trọng					Cao
Quý					Long
Hồn					HỒ
Kinh					Phục
	Triều	Lai	Phúc	Vạn	

Tạm dịch *Câu đối hai bên*: Đức của các vị thánh làm khiếp sợ hồn quý; Đạo của Phật khiến loài rồng hồ cũng phải kính phục. *Câu đối trên dưới*: Theo giúp các vị thánh, Phật; Mọi sự thuận lợi có phúc.

Trên hoành phi còn dán bốn dải giấy nhỏ, trên mặt viết “Tân xuân khai ấn vạn sự cát, Phật môn từ bi cứu khổ nạn, Đạo giáo hung long truyền bốn bể, Pháp môn hiển đạt như luân chuyển” (Tạm dịch: Đầu xuân mở ấn mọi sự tốt lành, cửa Phật từ bi cứu con người thoát nạn khổ, Đạo giáo thịnh vượng truyền khắp nơi, Phật pháp phát triển giáo hóa chúng sinh).

2.3. Đồng cốt

Đồng cốt cũng gọi là “giáng sinh đồng”, chủ yếu phụ trách bói hung cát, hỏi ý trời, giải hạn, cầu cát tiêu tai. Đồng cốt có người là do đời ông, đời cha truyền lại, có người là do bái thầy để học. Người ta kể rằng trước đây mỗi một gia tộc người Kinh ở làng Vạn Vũ có một đồng cốt; hàng năm vào ngày mùng 1, mùng 2 đầu năm tổ tiên nhập vào một đồng cốt để truyền lời, nhắc nhở con cháu sang một năm mới nên làm gì. Vào lễ Tết Hát tháng Sáu âm lịch, trong làng chọn ra một đồng cốt lên đồng tại đình làng để truyền lời của năm vị thần, các việc trong

gia đình thì nhập đồng tại nhà, việc làng thì nhập đồng tại làng. Nghe nói đồng cốt có thể cắn nuốt chén sù, xuyên kim thép qua má mà không bị thương. Điều này khiến cho đồng cốt có màu sắc thần bí. Đồng cốt được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác trong gia tộc, không có kinh sách, gia tộc không có đồng cốt thì sẽ không truyền cho đời sau được nữa. Từ những năm 1950 đến nay, đồng cốt ở làng Vạn Vỹ lúc đầu làm đồng cốt, sau đó mới làm thầy cúng; có người cùng lúc làm cả đồng cốt và thầy cúng; hiện nay ở làng Vạn Vỹ có một người cùng lúc đảm nhiệm cả hai chức vị này. Hiện nay các họ Tô, Nguyễn, Bùi ở làng Vạn Vỹ mỗi họ có một đồng cốt, họ Đỗ có hai đồng cốt. Đồng cốt nào được cho là linh nghiệm thì nhiều người tìm đến; các làng xã lân cận như Na Lương, Đông Trung cũng có người đến hỏi ý thần linh; nghe nói bình quân cứ hai, ba ngày liền có người đến hỏi một lần, nếu như đã đi ra ngoài, người nhà liền gọi điện thoại thông báo cho ông ta quay lại. Tìm đồng cốt hỏi ý thần linh chỉ cần mang một ít gạo và bánh kẹo, tiền thù lao tùy ý.

Thường bàn thờ của các gia đình người Kinh trong làng Vạn Vỹ có một tầng; những gia đình có người làm thầy cúng hoặc đồng cốt, bàn thờ liền phân thành hai phần thượng hạ. Tầng thượng thờ cúng tổ tiên, tầng hạ cúng bái vị thần mà thầy cúng hay đồng cốt tin vào; bố trí và trang trí bàn thờ tương đối đẹp đẽ, xung quanh cắm cờ đuôi nheo nhỏ nhiều màu và cờ lệnh; đây là một trong những nơi quan trọng khi thầy cúng hoặc đồng cốt làm phép. Thầy cúng và sinh đồng người Kinh đã tạo ra tác dụng nối kết

giữa con người và thần linh, kinh sách thầy cúng và đồng cốt sử dụng để làm phép dùng chữ Hán và chữ Nôm để viết, dùng tiếng Kinh để đọc, thầy cúng và đồng cốt thông thạo văn tự cổ của người Kinh - chữ Nôm. Để bảo tồn và phát hiện văn hóa dân tộc truyền thống của người Kinh, đầu tiên cần thu thập và chỉnh lý tư liệu chữ Nôm, song hiện nay ở làng Vạn Vỹ có thể nhận biết và sử dụng chữ Nôm chỉ có vài người, chủ yếu là thầy cúng và đồng cốt. Tháng 7 năm 2003 làng Vạn Vỹ mở lớp đào tạo chữ Nôm của người Kinh giai đoạn một, có 10 dân làng tham gia học. Người Kinh ở làng Vạn Vỹ có lúc mời thầy cúng ở làng Sơn Tâm sang làm phép; thầy cúng ở Sơn Tâm chuyên nghiệp hơn, thường làm phép, có lúc sang làm một số phép thuật mà thầy cúng ở làng Vạn Vỹ không thực hiện được. Các vị thần thờ cúng ở làng Sơn Tâm với các vị thần ở Việt Nam càng tương đồng, thờ cúng Trần Hưng Đạo và Liễu Hạnh, làng Sơn Tâm vẫn còn bảo trì nguyên gốc của tôn giáo tín ngưỡng của người Kinh. Thần linh người Kinh Tam Đảo (Vạn Vỹ, Vu Đầu, Sơn Tâm) thờ cũng vậy, nhưng thứ tự khác nhau; Trà Cổ, Bạch Long Vỹ, người Kinh Tam Đảo đều thờ cúng thần biển, nhưng với địa danh không giống nhau, cách gọi cũng có sự khác biệt.

(Còn nữa)

Vương Ngọc Thi dịch

Đặng Thành Đạt hiệu đính